

Phụ lục VIII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỐ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

(Thực hiện theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

MST: 3600259465

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2017

Điểm số 1

**THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ
VÀ CƠ CẤU TỐ CHỨC DOANH NGHIỆP**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh			Số ng. mua bán	Trình độ CN	Kinh nghiệm	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Tăng việc quản lý được giao	Năm 2016			
			Tên Tổng Cty	Công ty khác	Đơn vị						Tăng	Thưởng	Thao tạo	
1.	HĐTV Nguyễn Tiến Đức	10/04/1961	Chủ tịch HĐQT Tổng Cty					01 năm	Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn CNSVN	Phó Tổng Giám đốc Tập Đoàn CNSVN				
	Châu Văn Bình	16/11/1957	TV HĐQT					09 năm	CT HĐQT TCV	CT HĐQT TCV				
			Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty						Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty				
	Lê Văn Liên	15/11/1961	TV HĐQT					04 năm	TV HĐQT TCV	TV HĐQT TCV				
			Tổng Giám đốc Tổng Công ty						Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Tổng Giám đốc Tổng Công ty				
2.	Yêu cầu													
	Đỗ Minh Tuấn	01/01/1963	Tổng Giám đốc Tổng Công ty					02 năm	Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Tổng Giám đốc Tổng Công ty				
3.	Yêu cầu													
A.	Phó	Vũ Thị Mèo Lê	01/04/1968	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty				01 năm	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty				
	Tổng Giám đốc													
	Giám đốc													
	Nguyễn Trung Tuấn	20/11/1969	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty					07 năm	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty				

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành	Trình độ CM	Kinh nghiệm	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao	Năm 2016	
			Tại Tổng Cty	Công ty khác						Lương	Thưởng
	Nguyễn Văn Thắng	15/01/1967	Phó Tổng Giám đốc		TVDH	CNKT	07 năm	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	314.070.000	26.173.000
	Ngô Toàn	25/08/1959	Phó Tổng Giám đốc	Giám đốc Cty	TVDH	CNKT	09 năm	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Giám đốc Cty CPCSDN-Kratie	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Giám đốc Cty CPCSDN-Kratie		
4. Kiểm soát viên	Lê Văn Tuấn	20/10/1959	KSV Tổng Cty		TVCT	CNKT CN.XDD	07 năm	KSV Tổng Cty	KSV Tổng Cty	314.070.000	26.173.000
	Trần Quốc Thắng	11/02/1967	KSV Tổng Cty		TVKCT	CNKT	07 năm	KSV Tổng Cty	KSV Tổng Cty	31.407.000	
	Chu Đăng Khoa	04/11/1983	KSV Tổng Cty		TVKCT	KSNH	04 năm	KSV Tổng Cty	KSV Tổng Cty	31.407.000	

TRƯỞNG PHÒNG TCCB

TỔNG CTY CAO SU ĐỒNG NAI
 Lê Văn Tuấn
 TỔ CHỨC CÁN BỘ



Đỗ Minh Tuấn

Lê Văn Cường

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Biểu số 3

**THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỪ THÁNG 10/2016-31/3/2017**

TT	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
01	Lê Xuân Hòe	Chủ tịch HĐQT	03	0	0	100%
03	Châu Văn Bùn	Thành Viên HĐQT	03	0	0	100%
04	Lê Văn Liêm	Thành Viên HĐQT	03	0	0	100%

**THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỪ THÁNG 04/2017-6/2017**

TT	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
01	Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	03	0	0	100%
03	Châu Văn Bùn	Thành Viên HĐQT	03	0	0	100%
04	Lê Văn Liêm	Thành Viên HĐQT	03	0	0	100%

Người Lập biểu


Nguyễn Thị Thu Thảo



TỔNG GIÁM ĐỐC


Đỗ Minh Tuấn

**THÔNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH
CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỪ THÁNG 10/2016 ĐẾN 6/2017**

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	TÚ THÁNG 10/2016 ĐẾN 12/2016		
1	77/QĐ - HĐQTCSĐN	03/10/2016	Phê duyệt bổ sung đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án : Mua sắm thiết bị năm 2016
2	78/QĐ - HĐQTCSĐN	03/10/2016	Thanh lý tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
3	79/QĐ - HĐQTCSĐN	03/10/2016	Phê duyệt ứng vốn đợt 2/2016 vào Công ty CP Cao su Điện Biên
4	81/QĐ - HĐQTCSĐN	18/10/2016	Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật chế biến cao su trong Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
5	83/QĐ - HĐQTCSĐN	24/10/2016	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình : Xây dựng Vật kiến trúc - Giao thông I năm 2016
6	84/QĐ - HĐQTCSĐN	28/10/2016	Tạm ngưng hoạt động nhà máy Long Thành
7	85/QĐ - HĐQTCSĐN	28/10/2016	Phê duyệt bổ sung đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án : Mua sắm thiết bị năm 2016
8	90/QĐ - HĐQTCSĐN	31/10/2016	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
9	91/QĐ - HĐQTCSĐN	31/10/2016	Giao nhiệm vụ phụ trách và điều hành đối với cán bộ
10	92/QĐ - HĐQTCSĐN	31/10/2016	Phê duyệt vốn góp đợt 3/2016 vào Công ty Cổ phần Cao su Sơn La
11	93/QĐ - HĐQTCSĐN	07/11/2016	Phê duyệt chuyển vốn đợt 5 năm 2016 vào Công ty TNHH MTV VRG Oudomxay
12	06/NQ-HĐTVCSĐN	17/11/2016	Về công tác sản xuất kinh doanh

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
10	17/QĐ-HĐTVCSĐN	23/02/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Phê duyệt kế hoạch mua sắm hàng hóa đợt 03 trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Cty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
11	19/QĐ- HĐTVCSĐN	23/02/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Thương trong Hội nghị Người Lao động năm 2017 (Trích từ Quỹ Khen thưởng)
12	21/QĐ- HĐTVCSĐN	01/03/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Cty TNHH Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
13	22/QĐ- HĐTVCSĐN	01/03/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT Cty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai
14	23/QĐ- HĐTVCSĐN	01/03/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Trích kinh phí tổ chức tham quan du lịch xuyên Việt cho CB,CNV lao động năm 2017
15	24/QĐ- HĐTVCSĐN	14/03/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 của Cty TNHH MTV Địa Ốc Cao su Đồng Nai
16	28/QĐ-HĐTVCSĐN	22/03/2017	Quyết định Hội đồng Thành viên v/v Chi từ nguồn quỹ phúc lợi cho các đơn vị tổ chức tham quan nghỉ mát
17	31/QĐ-HĐTVCSĐN	29/3/2017	Quyết định về việc thanh lý vườn cây cao su
18	01/NQ-HĐTVCSĐN	29/3/2017	Nghị quyết lần thứ 1 về công tác SXKD
19	53/QĐ-HĐTVCSĐN	11/4/2017	Quyết định về việc phê duyệt vốn góp đợt 01/2017 vào Công ty CPCS Điện Biên
20	54/QĐ-HĐTVCSĐN	17/4/2017	Quyết định phê duyệt kế hoạch mua sắm đợt 4 (phần còn lại các loại trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai năm 2017

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
32	84/QĐ-HĐTVCSĐN	08/06/2017	Quyết định phê duyệt dự toán trồng mới, chăm sóc cao su KTCB năm 2017 tại Công ty TNHH MTV VRG – Oudomxay.
33	85/QĐ-HĐTVCSĐN	14/6/2017	Quyết định chi quỹ phúc lợi để sửa chữa Bệnh viện Đa khoa Cao su Đồng Nai
34	85/QĐ-HĐTVCSĐN	14/6/2017	Quyết định thanh lý vườn giống cao su
35	72/TB-HĐTVCSĐN	23/6/2017	Thông báo kết luận của ông Nguyễn Tiến Đức, Chủ tịch HĐTV tại cuộc họp về công tác nông nghiệp.
36	87/QĐ-HĐTVCSĐN	23/6/2017	Quyết định phê duyệt vốn góp đợt 02/2017 vào Công ty CP Cao su Điện Biên
37	88/QĐ-HĐTVCSĐN	23/6/2017	Quyết định thành lập Tổ tư vấn về công tác nông nghiệp tại Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai

Người Lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thảo

TỔNG GIÁM ĐỐC




Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016
(Thực hiện theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐÔNG NAI
MST: 3600259465
Số 743/CSDN-KHDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đông Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN THƯỞNG
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016

Năm 2016 Tổng Công ty xác định quỹ lương, thưởng, thù lao của người lao động và Viên chức quản lý theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

- Đối với người lao động:

+ Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Đối với viên chức quản lý:

+ Căn cứ nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

I. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a. Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

+ Nguyên tắc trả lương: làm công việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Khi thay đổi công việc, chức vụ thì được trả lương theo công việc chức vụ mới và không bảo lưu mức lương cũ.

Mức lương thấp nhất chỉ trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ nếu bảo đảm đủ thời giờ làm việc

bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động, khối lượng công việc được giao

+ **Nguyên tắc thưởng:** quỹ tiền thưởng của người lao động được trích từ quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh theo quy định của Chính phủ

Mức tiền thưởng của người lao động được thực hiện theo quy chế thưởng của Tổng Công ty

- **Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:**

+ **Nguyên tắc trả lương:** tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh và có không chế mức độ tối đa. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động.

+ **Nguyên tắc thưởng:** tiền thưởng của viên chức quản lý được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh, được trả một phần vào cuối năm, phần còn lại sau khi kết thúc nhiệm kỳ

+ **Nguyên tắc xác định thù lao:** thù lao đối với viên chức quản lý không chuyên trách tại Tổng công ty được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách, đối với viên chức quản lý được cử đại diện vốn góp ở nhiều công ty thì khoản thù lao do công ty khác trả nộp về Tổng công ty theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tối đa không vượt quá 50% mức tiền lương thực tế được hưởng tại Tổng công ty

b. Quỹ tiền lương kế hoạch

- **Quỹ lương kế hoạch của người lao động**

. **Quỹ lương sản xuất kinh doanh:** Được tính toán trên cơ sở lao động thực tế sử dụng bình quân và mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước kế liên gắn với mức tăng hoặc giảm năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện trong năm so với năng suất lao động bình quân và lợi nhuận thực hiện của năm trước liên kế

. **Quỹ lương xây dựng cơ bản:** Tổng Công ty xây dựng kế hoạch tiền lương căn cứ suất đầu tư tối đa hàng năm và đơn giá tiền lương một công đo Tập đoàn ban hành.

. Quỹ tiền lương dự phòng từ năm trước chuyển sang (nếu có).

- **Quỹ lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp**

Quỹ tiền lương kế hoạch được xác định dựa trên số người quản lý Tổng công ty chuyên trách và mức lương bình quân kế hoạch.

Mức lương bình quân kế hoạch được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP và hệ số tăng thêm gắn với mức tăng lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện năm trước liên kế.

Mức lương cơ bản của người quản lý chuyên trách (Tổng Công ty hạng đặc biệt) như sau:

. Tổng Giám đốc	: 32 triệu
. Phó Tổng Giám đốc	: 29 triệu
. Kiểm soát viên chuyên trách	: 29 triệu
. Kế toán trưởng	: 27 triệu

Xác định mức lương bình quân kế hoạch gắn với năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh như sau:

- Tổng Công ty bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách theo quy định; lợi nhuận kế hoạch bằng lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì mức lương bình quân kế hoạch được tính bằng mức lương cơ bản.

- Tổng Công ty bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách theo quy định; năng suất lao động bình quân không giảm và lợi nhuận kế hoạch cao hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định như sau:

$$TLbqkh = TLcb + Hln \times TLcb \quad (1)$$

Trong đó:

- TLbqkh : Mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- TLcb : Mức lương cơ bản tính

- Hln : Hệ số tiền lương tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với mức tăng lợi nhuận như sau:

Nếu lợi nhuận thực hiện trong năm dưới 200 tỷ đồng: Hln tối đa bằng 0,5

Nếu lợi nhuận thực hiện trong năm từ 200 tỷ đến dưới 500 tỷ đồng: Hln tối đa bằng 0,7

Nếu lợi nhuận thực hiện trong năm từ 500 tỷ đồng trở lên : Hln tối đa bằng 1,0

Nếu Tổng Công ty bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp ngân sách theo quy định; lợi nhuận kế hoạch cao hơn thực hiện của năm trước liền kề, nhưng năng suất lao động bình quân thấp hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì sau khi xác định mức tiền lương bình quân thực hiện theo công thức (1) Tổng Công ty phải giảm trừ tiền lương theo nguyên tắc: cứ giảm 1% năng suất lao động bình quân thực hiện trong năm so với thực hiện của năm trước liền kề thì giảm trừ 0,5% mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- Tổng Công ty có lợi nhuận kế hoạch thấp hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản và giảm trừ theo nguyên tắc: cứ 1% lợi nhuận kế hoạch thấp hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì giảm trừ 0,5% mức lương cơ bản, nhưng thấp nhất bằng 1,2 lần so với mức tiền lương bình quân chế độ.

- Tổng Công ty không có lợi nhuận thì căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh so với thực hiện của năm trước liền kề, mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định thấp nhất bằng mức tiền lương bình quân theo chế độ và cao nhất không được vượt quá 1,2 lần so với mức tiền lương bình quân theo chế độ.

- Tổng Công ty lồng thì mức tiền lương bình quân kế hoạch bằng mức tiền lương bình quân theo chế độ.

- Tổng Công ty giảm lỗ so với thực hiện năm trước thì căn cứ vào mức độ giảm lỗ hoặc kế hoạch sản xuất kinh doanh để xác định tiền lương của người quản lý, đảm bảo tương quan chung và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét quyết định.

c. Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

+ Chính sách phân phối tiền lương: quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động làm việc tại Tổng Công ty, không sử dụng vào mục đích khác

. Đối với lao động QLPV: Lao động quản lý phục vụ được trả lương theo công việc được giao gắn với mức độ phức tạp, tính trách nhiệm của công việc đòi hỏi, mức độ hoàn thành công việc và số ngày công thực tế có làm việc.

. Đối với lao động trực tiếp: Tiền lương trả cho người lao động theo hình thức lương sản phẩm kết hợp chế độ thưởng sản lượng và kỹ thuật hoặc lương khoán theo khối lượng công việc và các khoản nghỉ hưởng lương theo chế độ quy định của Nhà nước.

+ Chính sách phân phối tiền thưởng: phân bổ tiền thưởng cho từng đơn vị theo lao động định biên hoặc lao động thực tế sử dụng bình quân có tính toán đến yếu tố tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản lượng hoặc khối lượng thực hiện của từng khu vực. Tiền thưởng khu vực nào được phân phối cho khu vực đó, không được điều tiết qua lại. Các trường hợp cần điều chỉnh phải được sự đồng ý của Tổng Công ty để thống nhất chi trả

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

+ Chính sách phân phối tiền lương:

Hàng tháng người quản lý được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác nhận.

Trường hợp đã tạm ứng vượt quỹ lương thực hiện thì người quản lý chuyên trách phải hoàn trả phần tiền lương đã chi vượt ngay trong năm.

Quỹ lương người quản lý được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác định theo năm gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý điều hành. Quỹ lương này tách riêng với quỹ lương của người lao động

Người quản lý được nghỉ làm việc hưởng nguyên lương trong những ngày Lễ, Tết, nghỉ việc riêng theo điều 115, 116. và nghỉ hàng năm theo điều 111 Bộ luật lao động

+ Chính sách phân phối tiền thưởng:

Tiền thưởng của người quản lý được trả 90% vào cuối năm, phần còn lại (10%) được lập thành quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ, dùng để thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ, theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ cả nhiệm kỳ của từng viên chức quản lý như sau :

- Trường hợp các năm trong nhiệm kỳ đều hoàn thành, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì người quản lý được hưởng toàn bộ phần tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ.

. Trường hợp trong nhiệm kỳ, có một năm không hoàn thành nhiệm vụ thì người quản lý chỉ được hưởng 50% phần tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ.

. Trường hợp trong nhiệm kỳ, có hai năm trở lên không hoàn thành nhiệm vụ thì người quản lý không được hưởng phần tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ.

Phần quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ còn lại do không hoàn thành nhiệm vụ nêu trên được hạch toán vào thu nhập khác của công ty.

Nhiệm kỳ để xác định quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ của người quản lý được tính theo nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp thời điểm bắt đầu nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 thì nhiệm kỳ được tính cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ.

+ **Chính sách phân phối thù lao:** Hàng tháng, Viên chức quản lý không chuyên trách được tạm ứng bằng 80% số thù lao tạm tính cho tháng đó, số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

Kính báo././ *gr*

Nơi nhận :

- Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư
- Ban Kế Hoạch và Đầu Tư Tập Đoàn ;
- Lưu : VT, KHĐT, LĐT.L



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục X
BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Thực hiện theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo (2016)		Năm báo cáo
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		Đặc biệt	Đặc biệt	Đặc biệt
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	6.725	6.242	6.091
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	5,413	5,729	5,787
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	436.808,495	429.160,310	422.997,757
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng		106.799	
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	5,413	7,155	5,787
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	6,25	6,25	7,00
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	29,000	29,000	29,143
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.962,938	1.962,938	4.161,600
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	26,173	26,173	49,543
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng		163,581	
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng			
7	Mức thu nhập bình quân của VCQL	Triệu đồng/tháng	26,173	28,354	49,543

Người Lập biểu


Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC




Đỗ Minh Tuấn

